

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07 - 08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07/06/2015
Ông Vũ Tuấn Dương	Chủ tịch	Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch và là thành viên từ ngày 07/06/2015
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21/07/2015
Ông Vũ Hữu Chinh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên	
Ông Hoàng Văn Chung	Thành viên	
Bà Mai Thị Yên Thế	Thành viên	
Ông Trần Đăng Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/06/2015
Ông Lâm Ngọc Uyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/07/2015

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/09/2015
Ông Vũ Tuấn Dương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14/09/2015
Ông Lê Mạnh Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/10/2015
Ông Bùi Tú Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/12/2015
Ông Nguyễn Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/08/2015
Ông Hoàng Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/08/2015
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02/10/2015

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

Số 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

TRẦN VIỆT HÙNG
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Ngày 22 tháng 02 năm 2016



SỐ: /VACO/BCKT.HP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 02 năm 2016 từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Lương Thị Thúy
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 1148-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM
TOÁN VACO TẠI HẢI PHÒNG
Hải Phòng, Ngày 22 tháng 02 năm 2016

Đỗ Bình Dương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 1953-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		230.216.059.309	162.784.059.314
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	144.989.983.612	43.814.982.598
1. Tiền	111		1.889.983.612	814.982.598
2. Các khoản tương đương tiền	112		143.100.000.000	43.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		54.250.000.000	85.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	54.250.000.000	85.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.224.025.939	30.026.822.622
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	25.481.090.194	27.747.434.558
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.010.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.828.807.712	2.279.388.064
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(88.881.967)	-
IV. Hàng tồn kho	140	9	2.388.188.326	3.161.382.212
1. Hàng tồn kho	141		2.388.188.326	3.161.382.212
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		363.861.432	280.871.882
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		363.861.432	280.871.882
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		82.031.607.674	98.110.963.020
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.030.101.564	1.049.598.398
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.030.101.564	1.049.598.398
II. Tài sản cố định	220		45.116.902.026	61.376.539.265
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	44.891.441.887	61.239.926.361
- Nguyên giá	222		270.650.169.043	270.828.902.377
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(225.758.727.156)	(209.588.976.016)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	225.460.139	136.612.904
- Nguyên giá	228		727.000.000	562.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(501.539.861)	(425.387.096)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		221.014.255	68.810.755
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	221.014.255	68.810.755
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		35.584.573.920	35.584.573.920
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	35.584.573.920	35.584.573.920
V. Tài sản dài hạn khác	260		79.015.909	31.440.682
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		79.015.909	31.440.682
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		312.247.666.983	260.895.022.334

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		37.655.798.620	21.027.447.788
I. Nợ ngắn hạn	310		37.655.798.620	21.027.447.788
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	12.346.189.494	6.005.953.118
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		152.000.425	94.504.425
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	9.923.236.880	3.954.225.479
4. Phải trả người lao động	314		12.005.389.827	6.793.232.976
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		234.063.128	158.851.781
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		970.821.257	631.741.400
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.024.097.609	3.388.938.609
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		274.591.868.363	239.867.574.546
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	274.591.868.363	239.867.574.546
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		78.749.720.000	78.749.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		78.749.720.000	78.749.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.352.660.454	1.352.660.454
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		113.734.763.396	109.649.718.931
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		80.754.724.513	50.115.475.161
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.164.199.649	50.115.475.161
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		70.590.524.864	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		312.247.666.983	260.895.022.334

Trần Việt Hùng
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Mai Thị Yên Thế
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		212.246.464.401	159.537.196.637
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	212.246.464.401	159.537.196.637
4. Giá vốn hàng bán	11	19	120.477.435.311	107.524.067.080
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		91.769.029.090	52.013.129.557
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	13.194.384.656	11.420.431.042
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	18.261.727.577	13.290.733.297
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21) - (26)}	30		86.701.686.169	50.142.827.302
9. Thu nhập khác	31	23	2.989.448.706	424.675.846
10. Chi phí khác	32	23	374.623.995	485.526.946
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.614.824.711	(60.851.100)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		89.316.510.880	50.081.976.202
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	18.725.986.016	10.147.043.737
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		70.590.524.864	39.934.932.465
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	8.964	5.071

Trần Việt Hùng
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Mai Thị Yên Thế
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
1	2	3	4
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	89.316.510.880	50.081.976.202
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	16.479.237.239	20.346.683.362
Các khoản dự phòng	03	88.881.967	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(3.614.924)	(930.596)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.664.806.095)	(11.419.500.446)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	90.216.209.067	59.008.228.522
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	2.353.537.939	9.998.383.636
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	773.193.886	(489.092.442)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	12.793.880.431	(7.910.727.702)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(130.564.777)	200.026.305
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(12.802.212.490)	(10.872.824.416)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.731.184.047)	(5.283.198.676)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	87.472.860.009	44.650.795.227
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(206.803.500)	(191.206.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.474.036.363	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(54.750.000.000)	(70.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	86.000.000.000	10.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.670.643.343	9.852.044.889
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	45.187.876.206	(50.839.161.475)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(31.489.350.125)	(27.562.846.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(31.489.350.125)	(27.562.846.250)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	101.171.386.090	(33.751.212.498)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	43.814.982.598	77.565.264.500
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.614.924	930.596
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	144.989.983.612	43.814.982.598

Các Thuyết minh từ trang 09 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

Số 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

Trần Việt Hùng

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Mai Thị Yên Thế

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương

Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá là Công ty Cổ phần được cổ phần hoá từ Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá theo quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá thành Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Kinh doanh số 0203000123 ngày 27/11/2001 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, sửa đổi lần 2 ngày 11/06/2008, sửa đổi lần 3 ngày 21/06/2011 và được cấp mã số doanh nghiệp là 0200443827, sửa đổi lần 4 ngày 12/10/2011, sửa đổi lần 5 ngày 24/9/2015.

Vốn Điều lệ: 78.749.720.000 đồng và danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 18/01/2016 (thời điểm gần ngày phát hành báo cáo nhất do Trung tâm lưu ý chứng khoán cung cấp) như sau:

Tên cá nhân/tổ chức	Số cổ phiếu	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ
	Cổ phiếu	VND	%
Ông Hoàng Văn Quang	1.900.000	19.000.000.000	24,13%
Công ty Cổ phần Tratimex P&L	1.900.000	19.000.000.000	24,13%
PYN E lite Fund (NON-UCITS)	759.950	7.599.500.000	9,65%
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity America LLC	648.500	6.485.000.000	8,23%
Cổ đông khác	417.990	4.179.900.000	5,31%
	2.248.532	22.485.320.000	28,55%
Cộng	7.874.972	78.749.720.000	100,00%

Công ty có 02 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải đa phương thức, được thành lập theo Quyết định số 17/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011;
- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Xếp dỡ và Giao nhận, được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 343 người (tại ngày 01/01/2015 là 410 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: bốc xếp hàng hoá; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết bao gồm: dịch vụ giao nhận hàng hoá, dịch vụ khai thuê hải quan, dịch vụ kiểm đếm hàng hoá, dịch vụ nâng cầu hàng hoá, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, môi giới thuê tàu biển; kho bãi và lưu giữ hàng hoá; vận tải hành khách ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác - dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá; vận tải hành khách đường thủy nội địa; vận tải hàng hoá đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Hoạt động chính của Công ty là: dịch vụ bốc xếp hàng hoá; kinh doanh kho bãi; vận tải và dịch vụ vận tải; đại lý vận tải, đại lý hàng hải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại lại để so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2015.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, trong số dự hàng tồn kho đến ngày 31/12/2015 không có hàng tồn kho nào bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2015 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 13
Máy móc, thiết bị	06 - 08
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	630.344.252	113.776.971
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.259.639.360	701.205.627
Các khoản tương đương tiền (*)	143.100.000.000	43.000.000.000
Cộng	144.989.983.612	43.814.982.598

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo	54.250.000.000	54.250.000.000	85.500.000.000	85.500.000.000
a1) Ngắn hạn	54.250.000.000	54.250.000.000	85.500.000.000	85.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	54.250.000.000	54.250.000.000	85.500.000.000	85.500.000.000
a2) Dài hạn	-	-	-	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (1)	5.500.000.000	-	5.500.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng Hải (2)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines (3)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao (4)	22.084.573.920	-	22.084.573.920	-
Cộng	35.584.573.920	-	35.584.573.920	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁSố 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(1) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ với giá trị 5.500.000.000 đồng tương đương với 1.100.000 cổ phần, chiếm 2,75% vốn Điều lệ.

(2) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng Hải Hải Phòng với giá trị 3.000.000.000 đồng tương đương với 300.000 cổ phần, chiếm 2,5% vốn điều lệ.

(3) Phản ánh khoản vốn góp vào Trường Cao Đẳng nghề Hàng Hải Vinalines với số tiền là 5.000.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ.

(4) Phản ánh khoản góp vốn theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp HDCNVG06/2010/MHC/DXP ngày 24/12/2010. Theo đó, giá trị phần vốn sở hữu là 450.000 USD, tương đương với 15% vốn điều lệ.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	25.481.090.194	88.881.967	27.747.434.558	-
CTCP Thương mại và Vận tải biển Đại Tây Dương	8.815.573.480	-	4.955.938.958	-
Công ty cổ phần hàng hải VSICO	7.338.592.559	-	3.772.972.067	-
Công ty VTB Container Vinalines	2.159.375.535	-	8.797.876.364	-
Công ty Cổ phần đầu tư Sakura	1.854.165.400	-	-	-
Chi nhánh CTCP Hàng Hải Liên kết Việt nam tại Hải Phòng	1.585.406.205	-	21.899.734	-
Đối tượng khác	3.727.977.015	88.881.967	10.198.747.435	-
Cộng	25.481.090.194	88.881.967	27.747.434.558	-

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	2.828.807.712	-	2.279.388.064	-
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	2.316.481.945	-	1.696.355.556	-
Tạm ứng của nhân viên	179.838.500	-	25.882.514	-
Phải thu khác	332.487.267	-	557.149.994	-
b) Phải thu dài hạn khác	1.030.101.564	-	1.049.598.398	-
Phải thu các cá nhân về bồi thường hàng hóa	1.030.101.564	-	1.049.598.398	-
Cộng	3.858.909.276	-	3.328.986.462	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.885.812.664	-	2.803.986.530	-
Công cụ, dụng cụ	502.375.662	-	357.395.682	-
Cộng	2.388.188.326	-	3.161.382.212	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁSố 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2015	56.671.515.510	7.905.014.477	204.570.179.459	1.682.192.931	270.828.902.377
Mua trong năm	-	-	-	54.600.000	54.600.000
Thanh lý	-	-	(233.333.334)	-	(233.333.334)
Tại 31/12/2015	56.671.515.510	7.905.014.477	204.336.846.125	1.736.792.931	270.650.169.043
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2015	55.951.291.272	3.476.314.827	149.042.310.161	1.119.059.756	209.588.976.016
Khấu hao trong năm	685.976.533	754.955.232	14.709.751.053	252.401.656	16.403.084.474
Thanh lý	-	-	(233.333.334)	-	(233.333.334)
Tại 31/12/2015	56.637.267.805	4.231.270.059	163.518.727.880	1.371.461.412	225.758.727.156
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	720.224.238	4.428.699.650	55.527.869.298	563.133.175	61.239.926.361
Tại 31/12/2015	34.247.705	3.673.744.418	40.818.118.245	365.331.519	44.891.441.887

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 164.304.648.128 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 147.159.944.482 đồng).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2015	562.000.000	562.000.000
Mua trong năm	165.000.000	165.000.000
Tại 31/12/2015	727.000.000	727.000.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại 01/01/2015	425.387.096	425.387.096
Khấu hao trong năm	76.152.765	76.152.765
Tại 31/12/2015	501.539.861	501.539.861
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2015	136.612.904	136.612.904
Tại 31/12/2015	225.460.139	225.460.139

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 102.000.000 đồng (Chi tiết trong các phần mềm quản lý, Phần mềm quản lý container tại ngày 31/12/2014 đã hết khấu hao nhưng trong năm 2015 được bổ sung thêm chức năng mới nên nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có sự thay đổi so với số liệu so sánh cùng kỳ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dự án nâng cấp cải tạo bãi giai đoạn 2 (*)	68.810.755	68.810.755
Chi phí xây dựng cơ bản khác	152.203.500	-
Cộng	221.014.255	68.810.755

(*) Dự án nâng cấp cải tạo bãi giai đoạn 2 bị tạm dừng từ năm 2008 do chưa chuẩn bị được mặt bằng phục vụ thi công.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	12.346.189.494	12.346.189.494	6.005.953.118	6.005.953.118
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	6.138.024.379	6.138.024.379	2.500.066.190	2.500.066.190
Công ty cổ phần Lốp Ô tô Thăng Long	1.375.000.000	1.375.000.000	726.000.000	726.000.000
Công ty TNHH Xăng dầu Tratimex	980.563.700	980.563.700	142.043.400	142.043.400
Phải trả nhà cung cấp khác	3.852.601.415	3.852.601.415	2.637.843.528	2.637.843.528
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	12.346.189.494	12.346.189.494	6.005.953.118	6.005.953.118

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế phải nộp	3.916.700.479	37.492.447.959	31.485.911.558	9.923.236.880
Thuế giá trị gia tăng	968.746.213	14.109.397.582	13.959.202.253	1.118.941.542
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.849.210.437	18.725.986.016	12.802.212.490	8.772.983.963
Thuế thu nhập cá nhân	98.743.829	1.377.393.314	1.444.825.768	31.311.375
Thuế nhà đất	-	95.770.000	95.770.000	-
Tiền thuê đất	-	3.162.558.000	3.162.558.000	-
Các loại thuế khác	-	21.343.047	21.343.047	-
Các khoản phải trả khác	37.525.000	-	37.525.000	-
Các khoản phí và lệ phí	37.525.000	-	37.525.000	-
Cộng	3.954.225.479	37.492.447.959	31.523.436.558	9.923.236.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 78.749.720.000 đồng. Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm lập báo cáo như sau:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	18/01/2016		01/01/2015	
		Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
1	Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	-	-	40.162.350.000	51%
2	Ông Hoàng Văn Quang	19.000.000.000	24,13%	-	-
3	Công ty Cổ phần Tratimex P&L	19.000.000.000	24,13%	-	-
4	Cổ đông khác	40.749.720.000	51,75%	38.587.370.000	49%
	Cộng	78.749.720.000	100%	78.749.720.000	100%

(*) Theo số liệu chốt danh sách cổ đông gần thời điểm lập báo cáo tài chính nhất tại ngày 18/01/2016 do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

b) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	78.749.720.000	1.352.660.454	79.552.032.473	7.874.972.000	64.317.740.387	231.847.125.314
Trích lập các quỹ	-	-	22.222.714.458	-	(26.572.714.458)	(4.350.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(27.562.402.000)	(27.562.402.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	39.934.932.465	39.934.932.465
Giảm khác	-	-	-	-	(2.081.233)	(2.081.233)
Tại ngày 31/12/2014	78.749.720.000	1.352.660.454	101.774.746.931	7.874.972.000	50.115.475.161	239.867.574.546
Trình bày lại (*)	-	-	7.874.972.000	(7.874.972.000)	-	-
Tại ngày 01/01/2015	78.749.720.000	1.352.660.454	109.649.718.931	-	50.115.475.161	239.867.574.546
Chia cổ tức năm 2014 (**)	-	-	-	-	(31.499.888.000)	(31.499.888.000)
Trích lập các quỹ (**)	-	-	4.085.044.465	-	(8.435.044.465)	(4.350.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	70.590.524.864	70.590.524.864
Giảm khác	-	-	-	-	(16.343.047)	(16.343.047)
Số dư tại ngày 31/12/2015	78.749.720.000	1.352.660.454	113.734.763.396	-	80.754.724.513	274.591.868.363

(*) Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp, Công ty đã trình bày lại số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/NQ-ĐHCD ngày 27/04/2015, Đại hội thông qua phương án phân chia lợi nhuận như sau: Chia cổ tức năm 2014 bằng tiền mặt với tỷ lệ 40% vốn Điều lệ bằng tiền mặt tương đương với 31.499.888.000 đồng; trích quỹ Đầu tư phát triển 4.085.044.465 đồng; trích Quỹ thưởng Ban điều hành 350.000.000 đồng; trích quỹ khen thưởng 2.500.000.000 đồng, trích quỹ phúc lợi 1.500.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁSố 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**c) Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.874.972	7.874.972
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.874.972	7.874.972
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.874.972	7.874.972
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.874.972	7.874.972
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	78.749.720.000	78.749.720.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	78.749.720.000	78.749.720.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	31.499.888.000	27.562.402.000

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Ngoại tệ tại các ngân hàng (USD)	3.320,15	3.317,63
b. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.635.875	2.635.875

17. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ bốc xếp hàng hoá tại Thành phố Hải Phòng.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ	212.246.464.401	159.537.196.637
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	212.246.464.401	159.537.196.637

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁSố 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	120.477.435.311	107.524.067.080
Cộng	120.477.435.311	107.524.067.080

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá	25.707.002.863	24.145.487.620
Chi phí nhân công	48.766.308.685	42.777.237.107
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.479.237.239	20.346.683.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.620.513.940	28.921.273.633
Chi phí khác	9.166.100.161	4.624.118.655
Cộng	138.739.162.888	120.814.800.377

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi	8.440.769.732	6.969.500.446
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	4.750.000.000	4.450.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.614.924	930.596
Cộng	13.194.384.656	11.420.431.042

(*) Trong năm 2015, Công ty nhận được cổ tức từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ là 3.850.000.000 đồng (bao gồm cổ tức đợt 2 năm 2014 với tỷ lệ 15% và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 với tỷ lệ 20%) và lợi nhuận năm 2014 từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao là 900.000.000 đồng.

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.199.987.404	7.722.761.882
Chi phí vật liệu quản lý	304.441.947	553.525.612
Chi phí đồ dùng văn phòng	175.802.895	108.856.864
Chi phí khấu hao TSCĐ	473.820.563	512.736.173
Thuế, phí và lệ phí	3.263.328.000	1.539.376.000
Chi phí dự phòng	88.881.967	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	749.425.966	457.555.840
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.006.038.835	2.395.920.926
Cộng	18.261.727.577	13.290.733.297

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁSố 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu từ thanh lý tài sản	2.498.000.000	-
Doanh thu tiền điện	436.443.048	378.789.732
Thu nhập khác	55.005.658	45.886.114
Cộng	2.989.448.706	424.675.846
Chi phí khác		
Chi phí tiền điện	350.660.358	300.933.432
Chi phí khác	23.963.637	184.593.514
Cộng	374.623.995	485.526.946
Lợi nhuận khác	2.614.824.711	(60.851.100)

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	89.316.510.880	50.081.976.202
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(4.198.392.623)	(3.959.050.123)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.750.000.000)	(4.450.000.000)
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	551.607.377	490.949.877
Thu nhập chịu thuế	85.118.118.257	46.122.926.079
Thuế suất thông thường	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.725.986.016	10.147.043.737

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	70.590.524.864	39.934.932.465
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.874.972	7.874.972
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.964	5.071

Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa có quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận năm 2015. Trong năm 2015, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết đại hội cổ đông từ nguồn lợi nhuận năm 2014, theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 được trình bày lại theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014 như sau:

	Năm 2014 (Trình bày lại)
	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	39.934.932.465
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích năm 2015 từ lợi nhuận năm 2014	(4.350.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	35.584.932.465
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.874.972
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.519

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁSố 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.989.983.612	43.814.982.598
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.071.279.003	31.050.538.506
Đầu tư tài chính ngắn hạn	54.250.000.000	85.500.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	35.584.573.920	35.584.573.920
Tổng cộng	263.895.836.535	195.950.095.024
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	13.317.010.751	6.637.694.518
Chi phí phải trả	234.063.128	158.851.781
Tổng cộng	13.551.073.879	6.796.546.299

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) tuy nhiên các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện ít các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁSố 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tại 31/12/2015	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.989.983.612	-	144.989.983.612
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.041.177.439	1.030.101.564	29.071.279.003
Đầu tư tài chính ngắn hạn	54.250.000.000	-	54.250.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	35.584.573.920	35.584.573.920
Cộng	227.281.161.051	36.614.675.484	263.895.836.535
Tại 31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	13.317.010.751	-	13.317.010.751
Chi phí phải trả	234.063.128	-	234.063.128
Cộng	13.551.073.879	-	13.551.073.879
Chênh lệch thanh khoản thuần	213.730.087.172	36.614.675.484	250.344.762.656
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tại 01/01/2015	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.814.982.598	-	43.814.982.598
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.050.538.506	-	31.050.538.506
Đầu tư tài chính ngắn hạn	85.500.000.000	-	85.500.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	35.584.573.920	35.584.573.920
Cộng	160.365.521.104	35.584.573.920	195.950.095.024
Tại 01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	6.637.694.518	-	6.637.694.518
Chi phí phải trả	158.851.781	-	158.851.781
Cộng	6.796.546.299	-	6.796.546.299
Chênh lệch thanh khoản thuần	153.568.974.805	35.584.573.920	189.153.548.725

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 900.000.000 đồng, là số tiền cổ tức nhận được từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao thông qua hình thức bù trừ với công nợ phải trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng/giảm các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của năm 2014 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này. Cụ thể như sau:

STT	Số liệu tại 31/12/2014			Số liệu tại 01/01/2015			Chênh lệch (VND)	Ghi chú
	Mã số	Khoản mục	Số tiền (VND)	Mã số	Khoản mục	Số tiền (VND)		
1.	135	Các khoản phải thu khác	3.303.103.948	136	Phải thu ngắn hạn khác	2.279.388.064	(1.023.715.884)	(*)
2.	158	Tài sản ngắn hạn khác	25.882.514	-		-	(25.882.514)	(**)
3.			-	216	Phải thu dài hạn khác	1.049.598.398	1.049.598.398	(*)
4.	417	Quỹ đầu tư phát triển	101.774.746.931	418	Quỹ đầu tư phát triển	109.649.718.931	7.874.972.000	(***)
5.	418	Quỹ dự phòng tài chính	7.874.972.000	-		-	(7.874.972.000)	(***)

(*) Số dư khoản mục 135 được trình bày tách thành số dư khoản mục 136 và 216 do tách khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn.

(**) Số dư khoản mục 158 được trình bày gộp vào số dư khoản mục 136 theo Thông tư 200.

(***) Số dư khoản mục 417 và 418 được trình bày gộp vào số dư khoản mục 418 theo Thông tư 200.

Trần Việt Hùng
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Mai Thị Yên Thế
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương
Người lập